TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Cẩn;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.
2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (Số 60 đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1998; nơi cư trú: Số 01/29 đường C, phường A thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, có mặt.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1998; nơi cư trú: Số 159 đường T, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Chị Lê Thị Thu T trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức T sau thời gian tìm hiểu được khoảng 07 tháng rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được sự cho phép của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H vào ngày 13/01/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha, mẹ chồng tại địa chỉ số 159 đường T, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 04 năm, đến cuối năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T không chịu khó làm ăn, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Nên từ tháng 10/2022 chị đã bỏ về nhà cha, mẹ của chị tại số 01/29 đường C, phường A, thành phố H để ở, từ đó vợ chồng

đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Đức T có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 10/11/2018. Hiện nay cháu Q đang đang ở với anh Nguyễn Đức T. Nay ly hôn, chị đồng ý giao cháu Nguyễn Anh Q cho anh Nguyễn Đức T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Anh Q trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Anh Q mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 6/2023 cho đến khi cháu Nguyễn Anh Q trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hiện nay chị làm công nhân may thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Nguyễn Đức T quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 10/02/2023, Toà án đã có thông báo thụ lý vụ án số: 76/TB-TLVA và tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý và Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 64/GTT-TA ngày 10/4/2023 (Lần 1) vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 14/4/2023 và (Lần 2) vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 18/4/2023 để anh Nguyễn Đức T là bị đơn trong vụ án đến Toà án để làm việc, trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng anh Nguyễn Đức T đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên toà lần thứ nhất vào ngày 05/5/2023 anh T vắng mặt, Toà án đã quyết định hoãn phiên toà, ấn định lại thời gian xét xử. Tòa án đã tống đạt Quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập phiên toà lần thứ hai theo quy định pháp luật cho anh Nguyễn Đức T, nhưng anh Nguyễn Đức T vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Xét thấy: Toà án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bị đơn nhưng anh Nguyễn Đức T vắng mặt không có lý do chính đáng, là thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, mà vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị Lê Thị Thu T, Chị Lê Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 10/11/2018 cho anh Nguyễn Đức T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Anh Q trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị Lê Thị Thu T cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn là cháu Nguyễn Anh Q mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 06/2023 cho đến khi Nguyễn Anh Q trưởng thành, đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T không có tài sản chung, nợ chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn Chị Lê Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T sau thời gian tìm hiểu được 06 năm rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H vào ngày 13/01/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha, mẹ chồng tại địa chỉ số 159 đường T, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 04 năm, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, nên từ tháng 10/2022 Chị T đã bỏ về nhà cha, mẹ chị tại 01/29 đường C, phường A, thành phố H để ở, từ đó vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được, nên chị gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Tại biên bản xác minh tại tổ dân phố 14 khu vực 5, phường Đ, thành phố H cũng như lời khai của gia đình anh Nguyễn Đức T vào ngày 11/4/2023 có nội dung: Về mâu thuẫn vợ chồng thì gia đình và địa phương nắm rõ. Tuy nhiên, cách đây khoảng hơn 06 tháng thì Chị Lê Thị Thu T đã bỏ về nhà cha mẹ của chị để ở,

từ đó vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay Chị Lê Thị Thu T có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Đức T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị Lê Thị Thu T, Chị Lê Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 10/11/2018. Hiện cháu Nguyễn Anh Q đang do anh Nguyễn Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quân, anh Nguyễn Đức T đảm bảo về mọi mặt trong cuộc sống, bên cạnh đó còn có ông, bà nội hỗ trợ nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q được tốt hơn. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống, sinh hoạt, việc học tập và quyền lợi mọi mặt của cháu Nguyễn Anh Q sau này, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 10/11/2018 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Anh Q trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa Chị Lê Thị Thu T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Anh Q mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 6/2023 cho đến khi cháu Nguyễn Anh Q trưởng thành, đủ 18 tuổi. Xét Chị Lê Thị Thu T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về Tài sản và nợ chung: Quá trình chung sống Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị Lê Thị Thu T, Chị Lê Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 10/11/2018 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Anh Q trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị Thu T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 10/11/2018

mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 6/2023 cho đến khi cháu Nguyễn Anh Q trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc Chị Lê Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Chị Lê Thị Thu T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005520 ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- Buộc Chị Lê Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

Án sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường Đ, thành phố H (Chị T, anh T đăng ký kết hôn số: 04; ngày 13/01/2020);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Trọng Cẩn